

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC QUYẾT THẮNG**

Chương: **622**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC KHOẢN THU NGOÀI
NGÂN SÁCH NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THQT ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng trường tiểu học Quyết Thắng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán thu	4.150.113.020	4.150.113.020	0	
A	Tổng số thu	4.150.113.020	4.150.113.020	0	
1	Tiền nước uống	71.577.000	71.577.000	0	
2	Tiền học kỹ năng sống	342.692.000	342.692.000	0	
3	Tiền chăm sóc bán trú	814.787.000	814.787.000	0	
4	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	27.797.715	27.797.715	0	
5	Tiền ăn+chất đốt bán trú	1.590.105.000	1.590.105.000	0	
6	Tiền Tin học	180.009.000	180.009.000	0	
7	Tiền BHYT học sinh	404.693.685	404.693.685	0	
8	Tiền xã hội hóa	40.376.000	40.376.000	0	
9	Tiền học Tiếng Anh NN	636.750.000	636.750.000	0	
10	Tiền vệ sinh chung	24.667.500	24.667.500	0	
11	Tiền điện điều hòa	6.515.120	6.515.120	0	
12	Tiền đánh giá ngoài Sở GD gửi thu hộ-chi hộ	10.143.000	10.143.000	0	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	4.150.113.020	4.150.113.020	0	
1	Tiền nước uống (Chi trả tiền nước uống, công vận chuyển nước uống)	71.577.000	71.577.000	0	
2	Tiền học kỹ năng sống (chi trả học phí học kỹ năng sống, chi công tác quản lý, giáo viên chủ nhiệm, chi tiền điện, sửa chữa nhỏ...)	342.692.000	342.692.000	0	
3	Tiền chăm sóc bán trú (Chi tiền công trông trưa, tiền cấp dưỡng, quản lý, tiền điện, nước, vật tư tiêu hao bán trú)	814.787.000	814.787.000	0	
4	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu (Chi tiền mua thuốc y tế, vật tư y tế, công tác phối hợp chăm sóc SKBD với Trạm y tế phường...)	27.797.715	27.797.715		
5	Tiền ăn+chất đốt bán trú (Chi tiền mua lương thực thực phẩm, ga nấu ăn)	1.590.105.000	1.590.105.000		
6	Tiền Tin học (Chi tiền công giáo viên dạy, công tác quản lý, sửa chữa nhỏ, tiền điện, vệ sinh)	180.009.000	180.009.000		
7	Tiền BHYT học sinh (Chi nộp tiền BHYT cho cơ quan BHXH)	404.693.685	404.693.685		
8	Tiền xã hội hóa (Trả tiền sửa chữa nhà học cấp 4 còn lại)	40.376.000	40.376.000		
9	Tiền học Tiếng Anh NN (Chi trả học phí cho Trung tâm NN, công tác quản lý, giáo viên chủ nhiệm, trả tiền điện, sửa chữa nhỏ)	636.750.000	636.750.000		
10	Tiền vệ sinh chung (Chi trả tiền công vệ sinh chung, vệ sinh lớp học, giấy vệ sinh)	24.667.500	24.667.500	0	
11	Tiền điện điều hòa (Chi trả tiền điện sử dụng điều hòa)	6.515.120	6.515.120	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
12	Tiền đánh giá ngoài Sở GD gửi thu hộ-chi hộ	10.143.000	10.143.000	0	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.974.791.000	5.974.791.000	0	
I	Chi thường xuyên	5.449.900.000	5.449.900.000	0	
1	Chi thanh toán cá nhân	3.954.392.616	3.954.392.616	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.891.178.928	1.891.178.928	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	104.325.000	104.325.000	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.240.734.365	1.240.734.365	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	16.263.000	16.263.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	3.900.000	3.900.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	532.057.023	532.057.023	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	165.934.300	165.934.300	0	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.459.968.384	1.459.968.384	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	52.119.081	52.119.081	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	81.065.100	81.065.100	0	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20.225.700	20.225.700	0	
	Mục 6650: Hội nghị	18.540.000	18.540.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	32.200.000	32.200.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	94.471.600	94.471.600	0	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	649.318.803	649.318.803	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	181.515.000	181.515.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	330.513.100	330.513.100	0	
3	Chi mua sắm, sửa chữa	0	0	0	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	0	0	0	
	Tiêu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	0	0	0	
4	Các khoản chi khác	35.539.000	35.539.000	0	
	Mục 7750: Chi khác	35.539.000	35.539.000	0	
II	Chi không thường xuyên	524.891.000	524.891.000	0	
1	Chi thanh toán cá nhân	53.131.000	53.131.000	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	51.331.000	51.331.000	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	1.800.000	1.800.000	0	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	450.000.000	450.000.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	450.000.000	450.000.000	0	
3	Chi khác	21.760.000	21.760.000		
	Mục 7799: Chi các khoản khác	21.760.000	21.760.000		

Mạo Khê, ngày 20 tháng 5 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu

Số : 94 /QĐ-THQT

Mạo Khê, ngày 20 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu-chi ngân sách
và nguồn thu-chi khác năm 2019 của trường tiểu học Quyết Thắng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC QUYẾT THẮNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số liệu sổ sách kế toán, báo cáo tài chính năm 2019 và tình hình thu-chi thực tế của nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu-chi ngân sách và nguồn thu-chi khác năm 2019 của trường tiểu học Quyết Thắng (đính kèm biểu mẫu quyết toán thu - chi năm 2019).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.

Lê Thị Thu